

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST.

Ngày: 29 – 6 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Danh

Ông Lâm Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Luận – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: **09/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày **17 tháng 5 năm 2023** đối với bị cáo:

Họ và tên: Lâm Hoàng L, sinh năm 1990; nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Sa R, sinh năm 1977 và bà Thạch Thị V, sinh năm 1970; tiền án: Không; tiền sự: Không; **bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, từ ngày 27/01/2023 cho đến nay (có mặt).**

- Bị hại: Ông **Đinh S**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp Trà Đ, xã Tài Văn, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần P, sinh năm 1978; nơi cư trú: quốc l, khóm a, phường a 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Ông Lâm S, sinh năm 1951; nơi cư trú: Ấp Phú H, xã Phú T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lâm Hoàng L là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Giữa bị cáo và bị hại Đinh S có mối quan hệ quen biết và không có mâu thuẫn gì với nhau.

Ngày 21/5/2014, bị hại Sel nhờ bị cáo Long điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 83FE - 0528 chở bị hại đi đến chùa Bưng Cuôl, tọa lạc tại ấp Phú Đức, xã Long Phú, huyện Long Phú có việc riêng, thì Long đồng ý. Do Long không có nón bảo hiểm để đội, nên bị hại Sel có đưa cho Long số tiền 200.000 đồng và xe gắn máy biển kiểm soát 83FE - 0528 để Long đi mua nón bảo hiểm thì Long đồng ý. Sau khi nhận xe và tiền của bị hại, Long không đi mua nón bảo hiểm mà điều khiển xe chạy đến chùa Chén Kiểu, tọa lạc tại xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên để chơi đánh bóng chuyền, sau đó bị cáo tiếp tục điều khiển xe trên chạy về nhà người quen ở xã Trường Khánh, huyện Long Phú chơi và ngủ qua đêm tại đây. Đến ngày 23/5/2014, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại Sel bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, bị cáo điều khiển xe trên chạy đến cửa hàng dịch vụ mua bán xe cũ tên “P”, tọa lạc tại số 41, Quốc lộ 1A, khóm 2, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (do ông Trần P, sinh năm 1978, ngụ cùng địa chỉ làm chủ), bán xe trên cho ông Hùng với giá 2.900.000 đồng. Sau đó, bị cáo lấy tiền bán xe và số tiền 200.000 đồng bị hại Sel đưa trước đó sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đối với bị hại Sel, sau khi sự việc xảy ra đã đến Công an xã Phú Tân, huyện Châu Thành trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, nhận thấy có dấu hiệu của “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, nên Công an xã Phú Tân đã chuyển nguồn tin báo trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành để thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành triệu tập và mời bị cáo Lâm Hoàng Long để làm việc, thì bị cáo thừa nhận hành vi chiếm đoạt xe của bị hại Sel, qua đó Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ đối với vật chứng là xe gắn máy 83FE - 0528 để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/HĐĐG-TCKH ngày 01/7/2014 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng kết luận: xe gắn máy biển kiểm soát 83FE-0528 tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 21/5/2014, qua định giá là 5.400.000 đồng.

Đến ngày 24/9/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lâm Hoàng Long, về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra do bị cáo Lâm Hoàng L bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã và do hết thời hạn điều tra nên đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án.

Đối với bị cáo Lâm Hoàng Long, sau khi bỏ trốn khỏi địa phương, thì bị cáo đến ấp Bằng Lăng, xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An làm thuê. Đến ngày 23/6/2014, Long tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô và điện thoại của bà Lê Thị Thúy. Đến ngày 14/10/2014, Long tiếp tục bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ra quyết định

khởi tố khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can về “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đồng thời Long tiếp tục bị Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ra quyết định truy nã. Đến ngày 27/01/2023, thì Long đến Công an huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng trình diện, nên sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã bàn giao Long cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An để điều tra theo thẩm quyền và bị tạm giam cho đến nay.

Do bị cáo Lâm Hoàng Long thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm trước 00 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018, nên căn cứ quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Cáo trạng số: 11/CT-VKS-CT ngày 14/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lâm Hoàng Long, về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 33; Điều 45; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Lâm Hoàng L **từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.**

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, thống nhất với kết luận định giá. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tại lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, về trách nhiệm hình sự bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự không yêu cầu.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Châu Thành, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai rõ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Bản kết luận định giá tài sản số 38/HĐĐG-TCKH ngày 01/7/2014 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, vật chứng của vụ án đã thu giữ được và phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cụ thể: Vào ngày 21/5/2014, tại chùa Champa, tọa lạc tại ấp Phước Phong, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, sau khi được bị hại Đinh S giao xe gắn máy biển kiểm soát 83FE - 0528 và số tiền 200.000 đồng nhờ bị cáo Lâm Hoàng Long đi mua nón bảo hiểm để chở bị hại đi công việc cá nhân tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, nhưng bị cáo sau đó điều khiển xe trên đến chùa Chén Kiểu, thuộc xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên và xã Trường Khánh huyện Long Phú chơi, đến ngày 23/5/2014, do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên của bị hại và bán với giá 2.900.000 đồng, rồi tiêu xài cá nhân hết. Tài sản là xe gắn máy biển kiểm soát 83FE-0528 của bị hại bị chiếm đoạt qua định giá là 5.400.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 5.600.000 đồng. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Do đó, Cáo trạng số 11/CT-VKS-CT ngày 14/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo về Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện với ý thức là cố ý. Bị cáo biết khi được bị hại giao tài sản bằng hình thức cho mượn, nhận tài sản của bị hại nhưng bị cáo không trả, không đi mua nón bảo hiểm mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá là 5.600.000 đồng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại và luôn được pháp luật bảo vệ trước mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật nhưng chỉ muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân một cách trái pháp luật; đồng thời hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cho nên, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để bị cáo có thời gian tâm đắc sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích, góp phần phòng chống tội phạm chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ.

[6] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra đã trả lại cho bị hại xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Lâm Hoàng L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc khmer, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí. Do đó, bị cáo được miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh; việc áp dụng pháp luật về tội danh, hình phạt; về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử lý vật chứng; trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần P: Quá trình điều tra đã chứng minh được, vào ngày 23/5/2014 ông Hùng có mua xe gắn máy biển kiểm soát 83FE-0528 của bị cáo Lâm Hoàng Long bán với số tiền 2.900.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm mua xe thì ông Hùng không biết xe bị cáo Long bán cho mình là do phạm tội mà có. Sau đó, ông Hùng tiếp tục bán xe trên cho ông Mai Văn Cầm, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp Trà Niên, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu với số tiền 5.900.000 đồng. Qua đó, hành vi của ông Hùng không có dấu hiệu của “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), nên không đặt ra để xem xét là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Hoàng L phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 33; Điều 45; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Lâm Hoàng L 01 (năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lâm Hoàng L phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc khmer, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí. Do đó, bị cáo được miễn 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

4. Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự : Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; BH; NLQ
- VKSND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQĐT CA huyện Châu Thành;
- Tổ hồ sơ nghiệp vụ CA huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ CA huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa